

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **73/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 26 - 12 - 2024.

V/v tranh chấp: *Ly hôn giữa bà*

Ka V và ông Bùi Văn C.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sáu

2. Ông Phạm Đức Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 240/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự.

* **Nguyên đơn:** Bà **Ka V**, sinh năm: 2000. Địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

* **Bị đơn:** Ông **Bùi Văn C**, sinh năm: 1997. Địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ: Thôn 11, xã T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 11 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Ka V và bị đơn ông Bùi Văn C trình bày:

1- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Ka V và ông Bùi Văn C tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện S, tỉnh Hòa Bình vào ngày 14/5/2020, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới.

Bà Ka V cho rằng: Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, ông Bùi Văn C nghiện ngập, thường xuyên chửi bới, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Bà Ka V đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được

nên bà Ka V yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Văn C.

Còn ông Bùi Văn C thì cho rằng trong cuộc sống vợ chồng chỉ xảy ra mâu thuẫn nhỏ, ông Bùi Văn C có nguyện vọng mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái và hiện tại ông Bùi Văn C còn chấp hành án hơn 01 tháng nữa nên không đồng ý ly hôn với bà Ka V.

2- *Về con chung*: Bà Ka V và ông Bùi Văn C trình bày vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu K' Bùi N, sinh ngày 10/4/2020. Hiện nay con chung đang ở với bà Ka V. Khi ly hôn bà Ka V yêu cầu được nhận nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên; Bà Ka V không yêu cầu ông Bùi Văn C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn ông Bùi Văn C trình bày nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông đồng ý giao con chung cho bà Ka V nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên; ông Bùi Văn C không cấp dưỡng nuôi con chung.

3- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Ka V và ông Bùi Văn C đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn bà Ka V có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Ka V có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết ly hôn với ông Bùi Văn C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Ka V và bị đơn ông Bùi Văn C vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ka V và ông Bùi Văn C tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện S, tỉnh Hòa Bình vào ngày 14/5/2020, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Ka V và ông Bùi Văn C là hoàn toàn hợp pháp.

Bà Ka V cho rằng quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, ông Bùi Văn C nghiện ngập, thường xuyên chửi bới, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Còn ông Bùi Văn C thì cho rằng trong cuộc sống vợ chồng chỉ xảy ra mâu thuẫn nhỏ, nhưng cả bà Ka V và ông Bùi Văn C đều thừa nhận ông Bùi Văn C nghiện ma túy và hiện nay ông Bùi Văn C đang chấp hành án tại Trại giam Đ nên cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ka V, xử cho bà Ka V được ly hôn

với ông Bùi Văn C.

[2.2] *Về con chung và cấp dưỡng:*

Bà Ka V và ông Bùi Văn C đều trình bày vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu K' Bùi N, sinh ngày 10/4/2020. Khi ly hôn bà Ka V yêu cầu được nhận nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên; Bà Ka V không yêu cầu ông Bùi Văn C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn ông Bùi Văn C trình bày nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông đồng ý giao con chung cho bà Ka V nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên; ông Bùi Văn C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, hiện nay con chung còn nhỏ và đang có cuộc sống ổn định với bà Ka V. Quá trình giải quyết vụ án bà Ka V cho rằng mình có đủ điều kiện về kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong khi ông Bùi Văn C đang phải chấp hành án nên không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì vậy, để không ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại cũng như tâm lý của con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà Ka V về việc nhận nuôi con chung; giao 01 con chung là cháu K' Bùi N cho bà Ka V có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

Bà Ka V không yêu cầu nên ông Bùi Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Ka V và ông Bùi Văn C đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4] *Về án phí:* Bà Ka V tự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. **Xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ka V đối với ông Bùi Văn C về việc tranh chấp “*Ly hôn*”.

Xử cho bà Ka V được ly hôn với ông Bùi Văn C.

2/ Về con chung: Giao 01 con chung là cháu K' Bùi N, sinh ngày 10/4/2020 cho bà Ka V có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Ông Bùi Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Bà Ka V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Ka V đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007247 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Bà Ka V đã nộp đủ tiền án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/12/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- UBND xã Q,
- huyện S, tỉnh Hòa Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường